

Bản án số: 82/2019/DS-PT

Ngày: 18/11/2019

V/v: Tranh chấp chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung

Các Thẩm phán:

Ông Trương Quốc V

Bà Nguyễn Thị Chinh

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Xuân Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Bà Cù Thị Ngọc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2018/DSPT ngày 30 tháng 8 năm 2019 về việc: “Tranh chấp chia di sản thừa kế”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện YD, Thanh Hóa bị kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cáp Thị Hồng N và kháng nghị của VKSND huyện YD. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 76/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cáp Thị D - sinh năm 1945. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã YP, huyện YD, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Cáp Thị D: Ông Cáp Hùng V - sinh năm 1954. Có mặt.

Địa chỉ: 48/38 Đường TT, phố TL 1, phường HR, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị Q - sinh năm 1958. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã YP, huyện YD, tỉnh Thanh Hóa.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Cáp Thị C - sinh năm 1961. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã YP, huyện YD, tỉnh Thanh Hóa.

3.2. Bà Cáp Thị M - sinh năm 1964. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 1 TL, xã YT, huyện YD, Thanh Hóa.

Bà M và bà C ủy quyền cho ông Cáp Hùng V - sinh năm 1954.

3.3. Chị Cáp Thị Hồng N, sinh năm 1982. Có mặt.

Địa chỉ: Số 102, MXD, phường ĐT, TP. Thanh Hóa.

3.4. Anh Nguyễn V Đ, sinh năm 1980. Có mặt.

3.5. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã YP, huyện YD, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, đại diện cho nguyên đơn ông Cáp Hùng V trình bày:*

Ông Cáp V B và bà Lê Thị G sinh được 04 người con là Cáp Thị D, Cáp V ĐA, Cáp Thị C và Cáp Thị M. Ông Cáp V B mất năm 1997 và bà G mất năm 2005 không để lại di chúc và cũng không giao quyền thừa kế cho ai. Di sản có để lại một mảnh đất và một căn nhà gỗ 05 gian (trong đó có một nhà thờ gia tiên tiên tổ) tại Thôn 2, xã YP, huyện YD, tỉnh Thanh Hóa. Căn nhà và mảnh đất nêu trên vợ chồng ông Cáp V ĐA ở. Năm 2005, ông ĐA mất thì bà Đỗ Thị Q (vợ ông ĐA) ở trên mảnh đất trên.

Do căn nhà cũ dột nát, ông ĐA mất, anh chị em nội ngoại của gia đình đã bàn và thống nhất cho bà Q bán bớt một mảnh đất khoảng 150m² để cải tạo nâng cấp nơi ở và làm lại nhà thờ tổ tiên. Nhưng với một điều kiện, bán ở vị trí nào và khi cải tạo nâng cấp nhà cũ cũng như nhà thờ, phải được sự đồng thuận của mọi người trong gia đình. Bà Q đồng ý. Tuy nhiên, sau đó bà Q lại tự ý bán một lô đất và phá căn nhà cũ, trong đó có gian nhà thờ họ chưa được sự đồng ý của mọi người trong gia đình như đã cam kết.

Việc bà Q bán đất bà D, bà M và bà C không biết. Đến khi bà Q gọi mấy chị em đến thông báo đã bán một mảnh đất và yêu cầu ký vào giấy bán đất (đã viết sẵn) để bên

mua chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn V Đ giao tiền.

Năm 2015, chị em bà D, bà C, bà M biết được sự việc vào năm 1999 ông ĐA (vợ là bà Q) đã tự ý làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bố mẹ sang cho ông ĐA, mà không được sự đồng ý của tất cả chị em trong nhà. Ông ĐA mất nên bà Q lại làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông ĐA sang bà Q. Không đồng ý nên chị em bà D, bà M và bà C làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Q và ông ĐA.

Hiện nay bản án hành chính của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã có hiệu lực pháp luật và đã tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Q và ông ĐA. Như vậy, diện tích đất và nhà của bố mẹ bà D, bà M, bà C để lại không có di chúc nên đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế tài sản theo quy định của pháp luật là một mảnh đất tại thửa đất số 475, tờ bản đồ số 06 với diện tích 709,7m² (bản đồ địa chính năm 2013) và một căn nhà gổ 05 gian tại thôn 2, xã YP, huyện YD.

** Tại bản tự khai ngày 13 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Q trình bày:*

Ông Cáp V B và bà Lê Thị G sinh được 04 người con là Cáp Thị D, Cáp V ĐA, Cáp Thị C và Cáp Thị M. Ông Cáp V B mất năm 1997 và bà G mất năm 2005. Năm 1999 ông B và bà G có cho ông Cáp V ĐA một diện tích đất là 709 m² và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Cáp V ĐA (là chồng bà). Năm 2005, ông ĐA mất và đến năm 2016 bà có làm thủ tục giấy tờ đất chuyển từ tên ông Cáp V ĐA sang tên bà. Quá trình vợ chồng bà ở và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông ĐA không có ai khiếu nại gì.

Năm 2009, bà có bán cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn V Đ một phần diện tích đất là 195m² và được sự đồng ý ký tên của bà D, bà M và bà C, cùng thôn trưởng là ông Nguyễn Ngọc Linh. Khi bán đất bà đã cho 3 chị em gái mỗi người 1.000.000đ và 6.000.000đ tiền xây mộ cho ông bà.

Quá trình ở trên diện tích đất của bố mẹ cho, vợ chồng bà đã tôn tạo lại đất, lấp ao làm vườn, xây bờ rào. Khi ông ĐA mất bà có làm 03 gian nhà và 02 gian bếp. Vì vậy, vợ chồng bà có rất nhiều công lao trong gia đình.

Nay bà D làm đơn yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 709,7m² (bản đồ địa chính năm 2013) và một căn nhà gỗ 05 gian tại thôn 2, xã YP, huyện YD theo quy định của pháp luật thì bà không đồng ý. Vì mục đích của bà D, bà M, bà C chia đất để làm nhà thờ. Nhưng bà đã cho đất mà các bà D, bà M, bà C lại không lấy đất.

** Tại bản tự khai ngày 13 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Cáp Thị Hồng N trình bày:*

Chị là con duy nhất của ông Cáp V ĐA và bà Đỗ Thị Q. Gia đình chị cùng chung sống trên mảnh đất của ông bà nội cho bố chị (là ông ĐA) và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố mẹ chị gần 20 năm nay. Năm 2009 chị được biết mẹ chị có bán một phần diện tích đất cho chị H, anh Đ và được bác, các cô đồng ý để mẹ chị bán. Năm 2016 có xảy ra tranh chấp đất là do bà D, bà M, bà C xin một phần diện tích đất để làm nhà thờ. Mẹ chị (là bà Q) đồng ý và có về xã để làm thủ tục cho đất làm nhà thờ. Được một tuần sau thì ông V (do bà D, bà M, bà C ủy quyền) gọi điện cho chị không đồng ý nhận đất.

Nay bà D làm đơn yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 709,7m² (bản đồ địa chính năm 2013) và một căn nhà gỗ 05 gian tại thôn 2, xã YP, huyện YD theo quy định của pháp luật thì chị không đồng ý vì đất đã được cấp mang tên bố mẹ chị, bố mẹ chị có rất nhiều công lao với gia đình nhà nội.

** Tại bản tự khai ngày 13 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn V Đ trình bày:*

Ngày 15/5/2009, vợ chồng anh chị có mua đất của bà Đỗ Thị Q tại thôn 2, xã YP chiều rộng 9,5m và chiều dài 21m với số tiền 94.000.000đ. Hai bên mua bán thì viết giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chữ ký của bà Q, bà D, bà M, bà C và ông thôn trưởng Nguyễn Ngọc Linh. Khi viết giấy tờ xong, bà Q giao đất cho vợ chồng anh sử dụng, anh chị đã thanh toán tiền đầy đủ cho bà Q. Hiện nay vợ chồng đã xây tường rào bao quanh và trồng cây lâu năm.

Khi mua bán hai bên thống nhất vợ chồng anh chị là người làm giấy tờ. Tuy nhiên sau đó bên gia đình chị em bà Q, bà D, bà M, bà C xảy ra tranh chấp đất. Hiện tại vợ chồng anh chị chưa làm được thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay bà D làm đơn yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 709,7m² (bản đồ địa chính năm 2013) theo quy định của pháp luật, thì anh chị không đồng ý vì đất anh chị đã mua của bà Q và các bà D, bà M, bà C cũng đồng ý ký bán đất cho anh chị. Vì vậy, đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng đất giữa vợ chồng anh và bà Q, bà D, bà M, bà C và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng anh chị. Số liệu trong hợp đồng khi anh mua là 200 m², tuy nhiên số liệu thực tế đo đạc lại thửa đất vợ chồng anh đã xây tường bao quanh là 192,8 m², anh chị chấp nhận số liệu thẩm định thực tế này.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện YD, Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ vào: Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 623, Điều 650; Điều 651; Điều 660 BLDS; khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015; Điểm d khoản 1 Điều 12; Điểm b khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Tiêu mục 1.1, mục 1 phần II của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Cáp Thị D.

- Xác nhận di sản thừa kế của ông Cáp V B và bà Lê Thị G để lại là thửa đất có diện tích 709,7 m² (đo thực tế là 709,5 m²) đã chuyển nhượng 192,8 m² trị G 94.000.000đ, còn lại 516,7 m² đất. Như vậy, tổng G trị di sản là 610.700.000đ.

- Xác nhận diện hưởng thừa kế có 04 người: Bà D, bà C, bà M và ông ĐA (Ông ĐA mất, bà Q và chị N là vợ con ông ĐA được hưởng).

- Trích công sức duy trì, tôn tạo bảo quản di sản cho bà Q tương ứng ½ suất thừa kế về đất có G trị là 64.580.000đ.

- Kỷ phần thừa kế: Các thừa kế được hưởng di sản có G trị như sau:

Bà Q và chị N: 136.530.000đ (mỗi người được hưởng 68.265.000đ); Bà D: 136.530.000đ; Bà C: 136.530.000đ; Bà M: 136.530.000đ.

- Chia phần cụ thể:

+ Giao cho bà Q và chị N phần đất có nhà lớn, nhà bếp của bà Q kéo ra đến hết vườn trước. Tổng diện tích 237,2 m² (phần S3, S4 trong sơ đồ thẩm định), trị G là 237.200.000đ. Ranh giới các cạnh: Chiều rộng mặt đường liên thôn hướng Đông

là 10,9m; chiều rộng phía sau phía Tây Gp phần đất bà C là 11,9m; chiều dài hai bên phía Bắc và Nam mỗi cạnh là 23,3m, một bên Gp đường thôn, một bên Gp tường rào nhà anh Đ và chị H. Trên đất có nhà, bếp, tường rào cổng ngõ và một số cây ăn quả của bà Q trồng.

+ Giao cho bà C phần đất phía sau nhà bà Q (1/2 phần của S1 trong sơ đồ thẩm định). Tổng diện tích là 139,75 m², trị G là 139.750.000đ. Ranh giới các cạnh như sau: Phía Nam Gp đường thôn rộng 6,05m; phía Bắc Gp nhà ông Hiệu 6,05m; phía Đông tiếp Gp đất bà Q và đất của chị H và anh Đ; phía Tây tiếp Gp đất bà M, chiều dài mỗi cạnh là 23,1m.

+ Giao cho bà M phần đất phía sau nhà bà C (1/2 phần của S1 trong sơ đồ thẩm định) tổng diện tích là 139,75 m², trị G là 139.750.000đ. Ranh giới các cạnh như sau: Phía Nam Gp đường thôn rộng 6,05m; phía Bắc Gp nhà ông Hiệu 6,05m; phía Đông Gp đất bà C và phía Tây Gp nhà ông Đài, chiều dài mỗi cạnh là 23,1m. Trên phần đất này có các tài sản của bà Q gồm: 01 cây khế G trị 81.000đ; 01 cây xoan G trị là 95.000đ và 01 cây bông bông G trị 220.000đ. Tổng G trị tài sản trên phần đất này là 396.000đ.

+ Bà D nhận G trị bằng tiền. Cụ thể: Bà C pH giao lại cho bà D 10.575.000đ. Bà M pH giao lại cho bà D 10.575.000đ. Bà Q và chị N pH giao lại cho bà D 108.025.000đ (Tiền kỷ phần về đất, mỗi người pH giao lại cho bà D số tiền là 54.012.500đ).

+ Bà Q chịu trách nhiệm giao lại cho các thừa kế số tiền chuyển nhượng đất. Cụ thể: Giao lại cho bà D 6.355.000đ. Giao lại cho bà C 6.355.000đ. Giao cho bà M 5.959.000đ.

- Bà Q và chị N chịu trách nhiệm giao lại cho bà D tiền chi phí thẩm định và định G tài sản là 1.275.000đ (trong đó mỗi người pH giao lại cho bà D số tiền là 637.500đ).

- Ghi nhận việc chuyển nhượng 192,8 m² của các đồng thừa kế cho anh Nguyễn V Đ và chị Nguyễn Thị H. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các bên có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước thẩm quyền làm thủ tục chuyển nhượng để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Ngày 07/8/2019, bà Cáp Thị D là nguyên đơn kháng cáo với các nội dung sau:*

- Đề nghị được chia kỹ phần thừa kế bằng đất theo nội dung kháng nghị của VKDND huyện YD;

- Phần tài sản trên đất chia cho bà M, bà C, bà D đề nghị khấu trừ vào phần dư đất của bà Q bán cho anh Đ.

** Ngày 10, 11/8/2019, bà Đỗ Thị Q là bị đơn và chị Cáp Thị Hồng N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo các nội dung sau:*

- Ở phiên tòa sơ thẩm bà Q và chị N đề nghị thay đổi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa do có dấu hiệu thiên vị nhưng không được chấp nhận;

- Việc bà Q bán 200m² đất cho gia đình anh Đ là có sự đồng thuận của bà D, bà M và bà C. Số tiền bán đất đã sử dụng vào mục đích chung nên yêu cầu chấp nhận đã bán đất và không đưa tiền bán đất vào chia thừa kế;

- Đề nghị trích thêm công sức cho bà Q trong di sản thừa kế.

- Đề nghị giữ nguyên hiện trạng nhà ở, bếp và mảnh vườn phía trước cho gia đình bà Q.

** Tại QĐKN số 01/QĐKNPT – VKS – DS ngày 08/8/2019, VKSND huyện YD kháng nghị 1 phần bản án DSST số 12/2019/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện YD, Thanh Hóa với các nội dung sau: Đề nghị TAND tỉnh Thanh Hóa sửa án theo hướng: Chia cho bà Cáp Thị D được nhận diện tích đất có ký hiệu S3, S4 trên sơ đồ phía Nam Gp ngõ vào có chiều dài 11,65m, phía Bắc Gp tường rào nhà anh Đ có chiều dài 11,65m, phía Đông Gp đường liên thôn có chiều dài 10,9m, phía Tây Gp phần đất có nhà và các công trình trên đất của bà Q; Phần diện tích còn lại 118,6m² có nhà và các công trình trên đất là kỹ phần thừa kế chia cho ông ĐA được hưởng tạm giao cho bà Q quản lý, sử dụng. Các đồng thừa kế pH giao trả lại phần G trị tài sản chênh lệch cho nhau theo quy định.*

** **Tại phiên tòa phúc thẩm:*** Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bà Q, chị N không rút đơn kháng cáo, ông Cáp Hùng V đại diện theo ủy quyền của bà Cáp Thị D rút một phần kháng cáo về việc phần tài sản trên đất chia cho bà M, bà C, bà D đề nghị khấu trừ vào phần dư đất của bà Q bán cho anh Đ.

Đại diện VKDSND tỉnh Thanh Hóa không rút quyết định kháng nghị. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*** Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa:**

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm thì Thẩm phán, HĐXX, những người tham gia tố tụng đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa chấp nhận kháng nghị, chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 12/DS-ST ngày 26/7/2019 của TAND YD theo hướng chia kỷ phần bằng đất cho nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe lời trình bày, tranh luận của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét kháng cáo của bà Đỗ Thị Q là bị đơn và chị Cáp Thị Hồng N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Về yêu cầu thay đổi Thẩm phán: Tại phiên tòa sơ thẩm bà Q và chị N đề nghị thay đổi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, nhưng bà Q và chị N không chứng minh được Thẩm phán thuộc một trong các trường hợp pH từ chối hoặc bị thay đổi quy định tại điều 52 và 53 BLTTDS. Do đó, yêu cầu xin thay đổi Thẩm phán không được HĐXX cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp pháp luật, kháng cáo của bà Q và chị N không có căn cứ xem xét.

- Việc bà Q bán 200m² đất cho gia đình anh Đ: Năm 2009, bà Đỗ Thị Q, bà Cáp Thị D, bà Cáp Thị M, bà Cáp Thị C đã thống nhất làm hợp đồng chuyển nhượng một phần đất cho vợ chồng anh Nguyễn V Đ và chị Nguyễn Thị H diện tích 200 m² (đo thực tế là 192,8 m²). Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự vẫn thống nhất chuyển nhượng cho vợ chồng anh Đ, chị H số diện tích đất trên. Tuy nhiên, số tiền 94.000.000đ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng chị H anh Đ sử dụng vào mục đích chung thì lời khai của bà Q không nhất

quán, trước đó bà Q cho rằng đã dùng số tiền trên để làm nhà thờ và xây lăng mộ và đưa cho bà D, bà M và bà C mỗi bà 1.000.000đ, tại phiên tòa sơ thẩm bà Q lại nại đã đưa cho bà B, bà D, bà M và bà C mỗi người 20.000.000đ. Nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh, các đồng thừa kế không thừa nhận đề nghị được chia số tiền này. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Q cho rằng đã dùng số tiền trên để làm nhà thờ và xây lăng mộ và đưa cho bà D, bà M và bà C mỗi bà 1.000.000đ. Số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất 94.000.000đ bà Q được nhận và quản lý. Bà Q và chị N cho rằng số diện tích đất 200m² đã bán được sử dụng chung như dùng để xây mộ và xây nhà ở thờ cúng tổ tiên, nhưng các đồng thừa kế không thừa nhận tiền đã sử dụng xây nhà thờ như thỏa thuận. Vì vậy, xác định số tiền chuyển nhượng đất là di sản của ông B và bà G để lại và cần được nhập vào G trị của khối di sản để giải quyết là phù hợp. Không chấp nhận kháng cáo của bà Q và chị N về nội dung này.

- Đề nghị trích thêm công sức cho bà Q trong di sản thừa kế:

Bà Q xây dựng gia đình với ông ĐA từ năm 1979, làm dâu 40 năm. Trong thời gian đó bà Q sống chung với bố mẹ chồng, có trách nhiệm gánh vác công việc gia đình, chăm sóc bố mẹ chồng, giỗ chạp, ma chay, xây sửa mộ phần của gia đình và đóng thuế sử dụng đất cho Nhà nước. Bà Q có công sức đối với gia đình nhà chồng và có công sức tu tạo, san lấp, duy trì, bảo quản diện tích đất của gia đình nhà chồng. Vì vậy, cấp sơ thẩm trích công sức cho bà Q bằng $\frac{1}{2}$ kỷ phần thừa kế là quá ít chưa đảm bảo quyền lợi cho bà Q. Do đó, chấp nhận 1 phần kháng cáo trích thêm công sức cho bà Q và chi phí bà Q xây sửa mộ phần của gia đình chồng bằng số tiền 94.000.000đ (Số tiền bán 192,8m² đất cho gia đình anh Đ, chị H) là phù hợp.

- Đề nghị giữ nguyên hiện trạng nhà ở, bếp và mảnh vườn phía trước cho gia đình bà Q.

Phần di sản thừa kế còn lại sau khi đã trích công sức cho bà Q là phần đất 516,7 m² được chia đều cho các đồng thừa kế là 04 kỷ phần, mỗi kỷ phần được hưởng $516,7 \text{ m}^2 / 4 = 129,175 \text{ m}^2$ trị G 129.175.000đ. Bà Q và chị N mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ kỷ phần thừa kế của ông ĐA (Thừa kế thế vị) là $129.175.000đ / 2 =$

64.587.000đ.

Để đảm bảo không thay đổi về hiện trạng các công trình kiến trúc trên đất cũng như thuận tiện cho việc sử dụng, sinh hoạt cuộc sống hiện tại và thuận tiện cho việc thanh toán G trị kỷ phần thừa kế. Xét thấy gia đình bà Q là người trực tiếp sử dụng đất từ trước đến nay, có nhu cầu chỗ ở và canh tác sử dụng đất để có thu nhập đảm bảo nguồn sống. Do vậy, giao cho bà Q, chị N sử dụng toàn bộ công trình kiến trúc nhà, cửa do gia đình bà Q xây trên đất và diện tích khu vườn phía trước là hợp lý.

[2] Xét kháng cáo của bà Cáp Thị D là nguyên đơn và kháng nghị của VKSND huyện YD:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Cáp Hùng V đại diện theo ủy quyền của bà Cáp Thị D rút một phần kháng cáo về việc phân tài sản trên đất chia cho bà M, bà C, bà D đề nghị khấu trừ vào phần dư đất của bà Q bán cho anh Đ, nên căn cứ khoản 3 điều 284 BLTTDS đình chỉ giải quyết yêu cầu kháng cáo nêu trên.

Phần di sản thừa kế còn lại sau khi trích công sức cho bà Q là phần đất 516,7 m² được chia đều cho các đồng thừa kế là 04 kỷ phần, mỗi kỷ phần được hưởng: **516,7 m² /4 = 129,175 m² trị G 129.175.000đ.**

Bà D kháng cáo và VKSND huyện YD kháng nghị đề nghị chia thừa kế cho bà D bằng đất. Nhận thấy bà D là nguyên đơn trong vụ án, bà D có nguyện vọng được nhận kỷ phần bằng đất. Di sản thừa kế có đủ diện tích đất để chia cho các kỷ phần thừa kế và đảm bảo diện tích tách thửa. Do đó việc chia kỷ phần bằng đất cho nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận đơn kháng cáo của bà D và kháng nghị của VKS YD về việc chia kỷ phần cho bà D bằng đất. Tuy nhiên, về phương án chia cần tính toán để đảm bảo quyền lợi cho các bên, thuận tiện cho việc sử dụng, sinh hoạt của các đương sự và thuận tiện cho việc thanh toán G trị kỷ phần thừa kế. Nên phần diện tích S1 (trong sơ đồ thẩm định), có diện tích 279,5m² (rộng 12,1m², dài 23,1m²) sẽ được chia cho bà D, bà C và bà M. Cụ thể như sau:

- Chia cho bà Q và chị N phần đất có nhà lớn, nhà bếp của bà Q kéo ra đến hết vườn trước, tổng diện tích 237,2 m² (phần S3, S4 trong sơ đồ thẩm định), trị G là 237.200.000đ. Trên đất có nhà, bếp, tường rào cổng ngõ và một số cây ăn quả

của bà Q. (Giao cho chị N quản lý, sử dụng toàn bộ nhà đất giao cho bà Q, chị N và chênh lệch tài sản cho các kỹ phần còn lại theo thỏa thuận của bà Q và chị N tại phiên tòa phúc thẩm).

- Chia cho bà C phần đất phía sau nhà bà Q (phần của S1 trong sơ đồ thẩm định) tổng diện tích là 92,4 m², trị G là 92.400.000đ.

- Chia cho bà M phần đất phía sau nhà bà C (phần của S1 trong sơ đồ thẩm định) tổng diện tích là 92,4 m², trị G là 92.400.000đ.

- Chia cho bà D phần đất phía sau nhà bà M (phần của S1 trong sơ đồ thẩm định) tổng diện tích là 94,71 m², trị G là 94.710.000đ. Trên phần đất này có các tài sản của bà Q gồm: 01 cây khế G trị 81.000đ; 01 cây xoan G trị là 95.000đ và 01 cây bông bông G trị 220.000 đ. Tổng G trị tài sản trên phần đất này là 396.000đ bà D pH thanh toán cho bà Q (Được khấu trừ vào phần tiền chênh lệch tài sản của bà Q, chị N cho bà D).

Bà Q và chị N được chia đất vượt quá kỹ phần 108,025 m² nên pH giao lại cho các thừa kế cho bà D, bà M, bà C 108.025.000đ (Tiền chênh lệch kỹ phần thừa kế về đất). Bà Q và chị N thống nhất chị N là người có trách nhiệm giao cụ thể như sau: Giao cho bà D 33.069.000đ (Đã trừ 1.000.000đ đưa khi bán đất và và trừ 396.000đ tiền G trị cây ăn quả trên đất được chia), giao cho bà M 35.775.000đ (Đã trừ 1.000.000đ đưa khi bán đất), giao cho bà C 35.775.000đ (Đã trừ 1.000.000đ đưa khi bán đất).

Đối với phần đất chuyển nhượng cho chị H và anh Đ: Các đương sự thống nhất phần đất đã chuyển nhượng cho chị H, anh Đ, khi án có hiệu lực pháp luật, các bên có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước thẩm quyền làm thủ tục sang tên cho chị H và anh Đ.

[3] Về án phí: Các đương sự pH chịu án tương ứng với G trị tài sản được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Do cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về công sức cho bà Q nên xác định lại G trị kỹ phần thừa kế, án phí dân sự có G ngạch cũng pH điều chỉnh lại cho phù hợp. Bà D và bà Q là người cao tuổi, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết

326/2016/UBTVQH 14 được miễn tiền án phí. Bà M và Bà C mỗi người pH chịu $129.175.000đ \times 5\% = 6.458.000đ$. Chị N được hưởng 1/2 suất thừa kế nên pH chịu $6.458.000đ/2 = 3.229.000đ$.

Kháng cáo được chấp nhận một phần và bản án sơ thẩm bị cải sửa nên các đương sự không pH chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho chị N 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YD, Thanh Hóa theo biên lai thu số AA/2015/0003330 ngày 16/8/2019.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 284; Khoản 2 Điều 308, Điều 309; Khoản 2 Điều 148 BLTTDS; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà D nguyên đơn, bà Q bị đơn, chị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và chấp nhận một phần kháng nghị của VKSND huyện YD. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện YD, Thanh Hóa.

Xử:

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu kháng cáo của bà D về nội dung phần tài sản trên đất chia cho bà M, bà C, bà D đề nghị khấu trừ vào phần dư đất của bà Q bán cho anh Đ.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Cáp Thị D.

- Xác nhận di sản thừa kế của ông Cáp V B và bà Lê Thị G để lại là thửa đất có diện tích 709,7 m² (đo thực tế là 709,5 m²) đã chuyển nhượng 192,8 m² trị G 94.000.000đ, còn lại 516,7 m² đất. Như vậy, tổng G trị di sản là 610.700.000đ.

- Xác nhận diện hưởng thừa kế có 04 người: Bà D, bà C, bà M và ông ĐA (Ông ĐA mất, bà Q và chị N là vợ con ông ĐA được hưởng).

- Trích công sức duy trì, tôn tạo bảo quản di sản cho bà Q có G trị là 94.000.000đ (số tiền chuyển nhượng 192,8m² đất cho anh Đ, chị H).

- Phần di sản thừa kế còn lại sau khi trích công sức cho bà Q là 516,7 m² được chia đều cho các đồng thừa kế là 04 kỷ phần, mỗi kỷ phần được hưởng: **516,7 m² /4 = 129,175 m² trị G 129.175.000đ**. Bà Q và chị N: **129.175.000đ** (mỗi người được hưởng **64.587.000đ**). Giao cho chị N quản lý sử dụng toàn bộ G trị kỷ phần

thừa kế của ông ĐA (theo thỏa thuận của bà Q và chị N tại phiên tòa phúc thẩm);
Bà D: **129.175.000đ**; Bà C: **129.175.000đ**; Bà M: **129.175.000đ**.

*** Phân chia như sau:**

- Chia cho bà Q và chị N phần đất có nhà lớn, nhà bếp của bà Q kéo ra đến hết vườn trước, tổng diện tích 237,2 m² (phần S3, S4 trong sơ đồ thẩm định), trị G là 237.200.000đ. Ranh giới các cạnh: Chiều rộng mặt đường liên thôn hướng đông là 10,9m; chiều rộng phía Tây Gp phần đất bà C là 11,9m; chiều dài hai bên phía Bắc và Nam là 23,3m, một bên Gp đường thôn, một bên Gp tường rào nhà anh Đ và chị H. Trên đất có nhà, bếp, tường rào cổng ngõ và một số cây ăn quả của bà Q. (Giao cho chị N quản lý, sử dụng toàn bộ nhà, đất giao cho bà Q, chị N theo thỏa thuận của bà Q và chị N tại phiên tòa phúc thẩm).

- Chia cho bà C phần đất phía sau nhà bà Q (phần của S1 trong sơ đồ thẩm định) tổng diện tích là 92,4 m², trị G là 92.400.000đ. Ranh giới các cạnh như sau: Phía Nam Gp đường thôn rộng 4m; phía Bắc Gp nhà ông Hiệu 4m; phía Đông tiếp Gp đất bà Q và đất của chị H và anh Đ; phía Tây tiếp Gp đất bà M, chiều dài mỗi cạnh là 23,1m.

- Chia cho bà M phần đất phía sau nhà bà C (phần của S1 trong sơ đồ thẩm định) tổng diện tích là 92,4 m², trị G là 92.400.000đ. Ranh giới các cạnh như sau: Phía Nam Gp đường thôn rộng 4m; phía Bắc Gp nhà ông Hiệu 4m; phía Đông Gp đất bà C, phía Tây Gp đất bà D, chiều dài mỗi cạnh là 23,1m.

- Chia cho bà D phần đất phía sau nhà bà M (phần của S1 trong sơ đồ thẩm định) tổng diện tích là 94,71 m², trị G là 94.710.000đ. Ranh giới các cạnh như sau: Phía Nam Gp đường thôn rộng 4,1m; phía Bắc Gp nhà ông Hiệu 4,1m; phía Đông Gp đất bà M, phía Tây Gp đất nhà ông Đài, chiều dài mỗi cạnh là 23,1m. Trên phần đất này có các tài sản của bà Q gồm: 01 cây khế G trị 81.000đ; 01 cây xoan G trị là 95.000đ và 01 cây bông bông G trị 220.000 đ. Tổng G trị tài sản trên phần đất này là 396.000đ, bà D pH thanh toán cho bà Q (Được khấu trừ vào phần tiền chênh lệch tài sản của bà Q, chị N cho bà D).

Bà Q và chị N được chia đất vượt quá kỷ phần 108,025 m² pH giao lại cho các thừa kế cho bà D, bà M, bà C 108.025.000đ (Tiền chênh lệch kỷ phần thừa kế về

đất). Chị N chịu trách nhiệm chênh lệch tài sản cho các kỷ phần còn lại theo thỏa thuận của bà Q và chị N tại phiên tòa phúc thẩm. Chị N giao cụ thể như sau: Giao cho bà D 33.069.000đ (Đã trừ 1.000.000đ đưa khi bán đất và trừ 396.000đ tiền G trị cây ăn quả trên đất được chia), giao cho bà M 35.775.000đ (Đã trừ 1.000.000đ đưa khi bán đất), giao cho bà C 35.775.000đ (Đã trừ 1.000.000đ đưa khi bán đất).

- Ghi nhận việc chuyển nhượng 192,8 m² của các đồng thừa kế cho anh Nguyễn V Đ và chị Nguyễn Thị H. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các bên có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước thẩm quyền làm thủ tục chuyển nhượng để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án số tiền trên, nếu bên pH thi hành không chịu thi hành, thì hàng tháng còn pH chịu thêm phần lãi suất, theo mức lãi suất quy định tại điều 357 BLDS.

2. Về án phí: Miễn tiền án phí cho bà Cáp Thị D và bà Đỗ Thị Q. Bà M và Bà C mỗi người pH chịu $129.175.000đ \times 5\% = 6.458.000đ$. Chị N được hưởng 1/2 suất thừa kế nên pH chịu $6.458.000đ/2 = 3.229.000đ$.

Các đương sự không pH chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho chị N 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YD, Thanh Hóa theo biên lai thu số AA/2015/0003330 ngày 16/8/2019.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Thanh Hoá
- TAND huyện YD
- Chi cục THA dân sự huyện YD
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Dung